

# **Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	7 - 23

# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chủ yếu trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công”) ty là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại với thương hiệu Thế Giới Di Động, các mặt hàng điện máy với thương hiệu Điện Máy Xanh và các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống và các hàng hóa khác với thương hiệu Bách Hóa Xanh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên điều hành	
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên điều hành	
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên điều hành	
Ông Thomas Lanyi	Thành viên không điều hành	
Ông Robert Willet	Thành viên không điều hành	
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên không điều hành	
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2021
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2021
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	

### ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Trung	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2021
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2021
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên	
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2021
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2021

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kinh Doanh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Trọng	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kinh Doanh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) để ngày 15 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trần Kinh Doanh  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 27 tháng 1 năm 2022



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.895.814.878.131</b>	<b>1.750.488.535.287</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>2.090.337.215</b>	<b>4.476.161.365</b>
111	1. Tiền		2.090.337.215	4.476.161.365
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.884.543.134.922</b>	<b>1.738.084.660.577</b>
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	3.187.780.000.000	1.696.375.000.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	696.763.134.922	41.709.660.577
<b>150</b>	<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>9.181.405.994</b>	<b>7.927.713.345</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	7.637.928.083	7.637.928.082
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		521.168.111	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.022.309.800	289.785.263
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>19.082.198.441.707</b>	<b>15.041.217.541.707</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.126.500.000.000</b>	<b>1.126.500.000.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	5	1.126.500.000.000	1.126.500.000.000
<b>250</b>	<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>17.955.698.441.707</b>	<b>13.914.717.541.707</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con	8.1	17.955.698.441.707	13.852.678.791.707
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	8.2	-	62.038.750.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>22.978.013.319.838</b>	<b>16.791.706.076.994</b>

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B01-DN

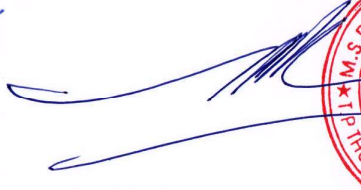
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.810.789.069.475</b>	<b>3.029.111.712.275</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.042.389.069.475</b>	<b>1.902.435.045.622</b>
313	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		161.398.673	2.669.603.062
315	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	9	78.853.503.547	42.567.680.643
319	3. Phải trả ngắn hạn khác		2.602.887.191	2.597.761.917
320	4. Vay ngắn hạn	10	2.960.771.280.064	1.854.600.000.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.768.400.000.000</b>	<b>1.126.676.666.653</b>
338	1. Vay dài hạn	10	2.768.400.000.000	1.126.676.666.653
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>17.167.224.250.363</b>	<b>13.762.594.364.719</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>11.1</b>	<b>17.167.224.250.363</b>	<b>13.762.594.364.719</b>
411	1. Vốn cổ phần		7.130.654.950.000	4.532.099.870.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.130.654.950.000	4.532.099.870.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		522.021.325.200	522.021.325.200
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.320.000.000)	(6.040.930.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.516.867.975.163	8.714.514.099.519
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.100.535.387.520	2.117.846.189.530
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.416.332.587.643	6.596.667.909.989
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>22.978.013.319.838</b>	<b>16.791.706.076.994</b>



Lý Trần Kim Ngân  
Người lập



Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính




Trần Kinh Doanh  
Tổng Giám đốc


Ngày 27 tháng 1 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế năm kết thúc ngày 31/12/2021		Kỳ kế năm kết thúc ngày 31/12/2020	
			Số quý này Năm nay	Số lũy kế Năm nay	Số quý này Năm trước	Số lũy kế Năm trước
			VND	VND	VND	VND
1 Doanh thu hoạt động tài chính	21	12	2.893.425.453.589	3.732.160.222.427	2.198.277.918.786	6.776.223.360.514
2 Chi phí tài chính	22	13	(96.440.617.788)	(302.651.146.997)	(67.938.383.438)	(172.491.295.154)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(96.440.617.788)	(302.447.146.737)	(67.938.383.438)	(172.491.295.154)
3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		(1.553.505.414)	(9.145.792.761)	(1.669.950.826)	(6.983.041.819)
4 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.795.431.330.387	3.420.363.282.669	2.128.669.584.522	6.596.749.023.541
5 Thu nhập khác	31		-	14.046.291	-	19.108
6 Chi phí khác	32		-	-	-	-
7 Lỗ khác	40		-	14.046.291	-	19.108
8 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.795.431.330.387	3.420.377.328.960	2.128.669.584.522	6.596.749.042.649
9 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14.1	1.022.309.800	(4.044.741.337)	(81.132.660)	(81.132.660)
10 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.796.453.640.187	3.416.332.587.623	2.128.588.451.862	6.596.667.909.989

  
Lý Trần Kim Ngân  
Người lập

  
Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính

  
Trần Kinh Doanh  
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 1 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>3.420.377.328.961</b>	<b>6.596.749.042.649</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.732.160.222.427)	(6.776.223.360.514)
06	Chi phí lãi vay	13	302.447.146.737	172.491.295.154
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(9.335.746.729)</b>	<b>(6.983.022.711)</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(697.112.291.394)	915.696.640.067
11	Giảm các khoản phải trả		(1.824.177.904)	(67.274.169.917)
12	Tăng chi phí trả trước		(36.453.950.001)	(27.932.174.378)
14	Tiền lãi vay đã trả		(225.846.275.048)	(132.035.582.090)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.777.265.854)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(975.349.706.930)</b>	<b>681.471.690.971</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	Tiền chi cho vay		(3.850.429.894.686)	(2.351.375.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		2.359.024.894.686	835.700.090.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.103.019.650.000)	(6.796.676.720.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		62.038.750.000	-
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay và cổ tức		3.773.697.871.365	6.736.632.794.945
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.758.688.028.635)</b>	<b>(1.575.718.835.055)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	11.1	2.604.596.010.000	105.200.450.000
32	Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	11.1	(2.320.000.000)	(6.040.930.000)
33	Tiền thu từ đi vay		4.597.954.613.415	1.854.600.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	10	(1.854.600.000.000)	(464.000.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	11.2	(2.613.978.712.000)	(678.908.841.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>2.731.651.911.415</b>	<b>810.850.679.000</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(2.385.824.150)</b>	<b>(83.396.465.084)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>4.476.161.365</b>	<b>87.872.626.449</b>
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>2.090.337.215</b>	<b>4.476.161.365</b>

Lý Trần Kim Ngân  
Người lập

Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính

Trần Kinh Doanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 1 năm 2022



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Cơ cấu tổ chức**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,95	99,95
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại thực phẩm	99,95	99,95
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	99,33
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	100,00
Công ty Cổ phần 4K Farm	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Nông nghiệp	99,99	-
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kho vận	99,99	-

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 7.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để ngày 15 tháng 3 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.4 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.6 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.7 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.9 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.10 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi ngân hàng	<u>2.090.337.215</u>	<u>4.476.161.365</u>

**5. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (*)	100.000.000.000	-
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 15)	<u>4.214.280.000.000</u>	<u>1.696.375.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.314.280.000.000</u></b>	<b><u>1.696.375.000.000</u></b>

(\*) Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng và hưởng lãi suất từ 6,96 % một năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 15)	696.000.000.000	41.537.648.939
Khác	<u>763.134.922</u>	<u>172.011.638</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>696.763.134.922</u></b>	<b><u>41.709.660.577</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí phát hành trái phiếu	<u>7.637.928.083</u>	<u>7.637.928.082</u>

**8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 8.1)	17.955.698.441.707	13.852.678.791.707
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 8.2)	-	62.038.750.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.955.698.441.707</u></b>	<b><u>13.914.717.541.707</u></b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 8.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	% sở hữu	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
			VND			VND		
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh (*)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại thực phẩm	99,95	12.825.295.910.000	-	99,95	9.626.831.940.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (*)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,95	3.626.466.331.000	-	99,95	2.826.909.551.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	860.937.300.707	-	99,33	860.937.300.707	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	538.000.000.000	-	100,00	538.000.000.000	-
Công ty Cổ phần 4K Farm (*)	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Nông nghiệp	99,99	99.998.900.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín (*)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kho vận	100,00	5.000.000.000	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>17.955.698.441.707</b>	<b>-</b>		<b>13.852.678.791.707</b>	<b>-</b>

(\*) Trong năm, Công ty đã góp thêm vốn vào các công ty con này.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 8.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư VND	% sở hữu	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ được phẩm	-	-	49,00	62.038.750.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay	78.000.602.336	25.672.672.306
Phí thu xếp hạn mức	550.657.209	16.721.008.337
Khác	302.244.004	174.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>78.853.503.547</u></b>	<b><u>42.567.680.643</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. VAY**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
	VND				
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.854.600.000.000</b>	<b>1.829.554.613.415</b>	<b>(1.854.600.000.000)</b>	<b>1.131.216.666.649</b>	<b>2.960.771.280.064</b>
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 10.1)	1.854.600.000.000	1.829.554.613.415	(1.854.600.000.000)	-	1.829.554.613.415
Trái phiếu thông thường (Thuyết minh số 10.3)	-	-	-	1.131.216.666.649	1.131.216.666.649
<b>Dài hạn</b>	<b>1.126.676.666.653</b>	<b>2.772.939.999.996</b>	<b>-</b>	<b>(1.131.216.666.649)</b>	<b>2.768.400.000.000</b>
Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 10.2)	-	2.768.400.000.000	-	-	2.768.400.000.000
Trái phiếu thông thường (Thuyết minh số 10.3)	1.126.676.666.653	4.539.999.996	(1.131.216.666.649)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.981.276.666.653</b>	<b>4.602.494.613.411</b>	<b>(1.854.600.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>5.729.171.280.064</b>

**10.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Singapore	1.829.554.613.415	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2022 đến ngày 11 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. VAY (tiếp theo)

10.2 Vay dài hạn ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Singapore)	<u>2.768.400.000.000</u>	Ngày 19 tháng 11 năm 2022

10.3 Trái phiếu thường trong nước

Trái chủ	Số cuối năm VND	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	480.000.000.000	6,55	17 Tháng 11 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	470.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	100.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	45.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	40.000.000.000				
Chi phí phát hành trái phiếu	(3.783.333.351)				
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.131.216.666.649</u></b>				

Trái phiếu thường trong nước được thu xếp phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) và được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility - quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Phí bảo lãnh là 1,5%/năm nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**11.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	4.435.461.780.000	519.117.889.700	(5.658.924.500)	2.796.755.030.530	7.745.675.775.730
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.596.667.909.989	6.596.667.909.989
Phát hành cổ phiếu	96.638.090.000	2.903.435.500	5.658.924.500	-	105.200.450.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	(6.040.930.000)	-	(6.040.930.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	(678.908.841.000)	(678.908.841.000)
Số cuối năm	<u>4.532.099.870.000</u>	<u>522.021.325.200</u>	<u>(6.040.930.000)</u>	<u>8.714.514.099.519</u>	<u>13.762.594.364.719</u>
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	4.532.099.870.000	522.021.325.200	(6.040.930.000)	8.714.514.099.519	13.762.594.364.719
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.416.332.587.643	3.416.332.587.643
Phát hành cổ phiếu (*)	2.598.555.080.000	-	6.040.930.000	-	2.604.596.010.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	(2.320.000.000)	-	(2.320.000.000)
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	(2.613.978.711.993)	(2.613.978.711.993)
Số cuối năm	<u>7.130.654.950.000</u>	<u>522.021.325.200</u>	<u>(2.320.000.000)</u>	<u>9.516.867.975.169</u>	<u>17.167.224.250.369</u>

(\*) Vào ngày 11 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho cán bộ chủ chốt của Công ty là 13.518.333 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu từ việc tái phát hành 604.093 cổ phiếu quỹ (có giá gốc là 10.000 VND/cổ phiếu) và phát hành 12.914.240 cổ phiếu mới, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01\_2020/NQĐHĐCĐ/TGDĐ và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ/HĐQT-2020 về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP"). Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 4.532.099.870.000 VND lên 4.661.242.270.000 VND vào ngày này.

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho cán bộ chủ chốt của Công ty là 9.306.970 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01\_2020/NQĐHĐCĐ/TGDĐ và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/NQ/HĐQT-2021 về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP"). Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 4.661.242.270.000 VND lên 4.754.311.970.000 VND vào ngày này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**11.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

(\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01\_2021/NQĐHĐCĐ/TGDD ngày 15 tháng 5 năm 2021 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ/HĐQT-2021 ngày 2 tháng 7 năm 2021, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ/HĐQT-2021 ngày 30 tháng 7 năm 2021 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/NQ/HĐQT-2021 ngày 14 tháng 8 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị đã thông qua phương thức chi trả cổ tức bằng tiền với tổng giá trị là 237.635.732.000 VND và phương thức chi trả cổ tức bằng việc phát hành số lượng 237.634.298 cổ phiếu mới (tương đương tỉ lệ thực hiện 2:1 trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành) với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các Cổ đông hiện hữu của Công ty, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Vào ngày 13 tháng 9 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức phù hợp với những Nghị quyết đã nêu trên. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 4.754.311.970.000 VND lên 7.130.654.950.000 VND vào ngày này.

**11.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.532.099.870.000	4.435.461.780.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	222.212.100.000	96.638.090.000
Phát hành cổ phiếu chia cổ tức	2.376.342.980.000	-
Số cuối năm	<u>7.130.654.950.000</u>	<u>4.532.099.870.000</u>

**11.3 Cổ phiếu**

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	713.065.495	453.209.987
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	713.065.495	453.209.987
Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(232.000)	(604.093)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	712.833.495	452.605.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	3.398.116.290.941	6.596.343.379.349
Lãi tiền cho vay	315.072.565.379	158.148.507.133
Phí thu xếp hạn mức	17.105.841.670	21.721.008.334
Lãi tiền gửi	1.865.524.437	10.465.698
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.732.160.222.427</u></b>	<b><u>6.776.223.360.514</u></b>

**13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	302.447.146.737	172.491.295.154
Khác	204.000.260	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>302.651.146.997</u></b>	<b><u>172.491.295.154</u></b>

**14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**14.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>3.420.377.328.960</u></b>	<b><u>6.596.749.042.649</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	684.075.465.792	1.319.349.808.530
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(418.833.840)	-
Chi phí thuế TNDN trích thiếu những năm trước	11.367.553	-
Thu nhập từ cổ tức	<u>(679.623.258.188)</u>	<u>(1.319.268.675.870)</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>4.044.741.317</u></b>	<b><u>81.132.660</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**14.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**15. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

					VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cổ tức	3.398.116.290.941	6.596.343.379.349	
		Cho vay	2.752.800.000.000	2.210.800.000.000	
		Góp vốn	799.556.780.000	799.556.780.000	
		Lãi cho vay	296.598.573.056	152.266.174.529	
		Phí thu xếp hạn mức	17.105.841.670	21.721.008.334	
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con	Góp vốn	3.198.463.970.000	5.997.119.940.000	
		Tạm ứng	696.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty con	Cho vay	133.400.000.000	80.000.000.000	
		Lãi cho vay	5.880.131.506	968.589.041	
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con	Lãi cho vay	4.660.126.028	4.913.743.563	
		Cho vay	-	60.575.000.000	
Ông Robert Willet	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chi phí tư vấn	2.089.027.208	2.139.920.184	
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty con	Góp vốn	99.998.900.000	-	
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty con	Góp vốn	5.000.000.000	-	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

				VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	3.087.780.000.000	1.555.800.000.000	
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty con	Cho vay	-	80.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	-	60.575.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>3.087.780.000.000</u></b>	<b><u>1.696.375.000.000</u></b>	
<b>Phải thu cho vay dài hạn</b>					
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	<u>1.126.500.000.000</u>	<u>1.126.500.000.000</u>	
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con	Tạm ứng	696.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Lãi cho vay	-	41.154.416.062	
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty con	Lãi cho vay	-	383.232.877	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>696.000.000.000</u></b>	<b><u>41.537.648.939</u></b>	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



\_\_\_\_\_  
Lý Trần Kim Ngân  
Người lập



\_\_\_\_\_  
Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính

\_\_\_\_\_  
Trần Kinh Doanh  
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 1 năm 2022

